THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 1320 /QĐ - TTg	*Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2014*

BAN THI ĐUA KHEN THƯỞNG TRUNG ƯƠNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 672
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2911/TTr-BKHĐT ngày 13 tháng 5 năm 2014 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 1316/TTr-BTĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 121 tập thể và 48 cá nhân thuộc Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (có danh sách kèm theo), đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: PCN Phạm Viết Muôn; TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Mai 10

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Nguyễn Xuân Phúc

DANH SÁCH
ĐƯỢC TẶNG BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TẬP THỂ

1. Vụ Thống kê Tổng hợp, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
2. Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
3. Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
4. Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
5. Vụ Tổ chức Cán bộ, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
6. Vụ Kế hoạch tài chính, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
7. Phòng Tài vụ, Văn phòng Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
8. Trung tâm Tư liệu và Dịch vụ Thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
9. Phòng Kế hoạch tài vụ, Nhà Xuất bản Thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
10. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
11. Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
12. Cục Thống kê tỉnh Nam Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
13. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
14. Cục Thống kê tỉnh Gia Lai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
15. Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
16. Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
17. Cục Thống kê tỉnh Long An, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
18. Cục Thống kê tỉnh Bến Tre, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
19. Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
20. Cục Thống kê tỉnh An Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
21. Cục Thống kê tỉnh Bình Dương, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

22. Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê thành phố Hà Nội, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
23. Chi cục Thống kê quận Ba Đình, Cục Thống kê thành phố Hà Nội, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
24. Chi cục Thống kê huyện Từ Liêm, Cục Thống kê thành phố Hà Nội, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
25. Chi cục Thống kê huyện Sóc Sơn, Cục Thống kê thành phố Hà Nội, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
26. Chi cục Thống kê huyện Chương Mỹ, Cục Thống kê thành phố Hà Nội, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
27. Chi cục Thống kê huyện Ứng Hoà, Cục Thống kê thành phố Hà Nội, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
28. Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
29. Chi cục Thống kê quận 10, Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
30. Chi cục Thống kê huyện Kiến Thụy, Cục Thống kê thành phố Hải Phòng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
31. Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
32. Chi cục Thống kê quận Bình Thủy, Cục Thống kê thành phố Cần Thơ, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
33. Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
34. Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
35. Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
36. Thanh tra Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
37. Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
38. Chi cục Thống kê huyện Thanh Liêm, Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
39. Chi cục Thống kê huyện Nghĩa Hưng, Cục Thống kê tỉnh Nam Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
40. Chi cục Thống kê huyện Xuân Trường, Cục Thống kê tỉnh Nam Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
41. Chi cục Thống kê huyện Hải Hậu, Cục Thống kê tỉnh Nam Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

42. Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
43. Chi cục Thống kê thành phố Thái Bình, Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
44. Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
45. Chi cục Thống kê huyện Nho Quan, Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
46. Chi cục Thống kê huyện Đăk Pơ, Cục Thống kê tỉnh Gia Lai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
47. Phòng Thống kê Công - Thương, Cục Thống kê tỉnh Kon Tum, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
48. Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
49. Chi cục Thống kê thành phố Bảo Lộc, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
50. Chi cục Thống kê huyện Đạ Huoai, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
51. Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
52. Chi cục Thống kê thị xã Quảng Yên, Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
53. Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Sơn La, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
54. Phòng Thống kê Công - Thương, Cục Thống kê tỉnh Lai Châu, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
55. Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Lai Châu, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
56. Chi cục Thống kê huyện Tủa Chùa, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
57. Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
58. Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
59. Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Hà Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
60. Chi cục Thống kê huyện Đồng Văn, Cục Thống kê tỉnh Hà Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
61. Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

62. Chi cục Thống kê huyện Hòa An, Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
63. Chi cục Thống kê huyện Hữu Lũng, Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
64. Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
65. Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
66. Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
67. Chi cục Thống kê huyện Đồng Hỷ, Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
68. Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
69. Phòng Thống kê Dân số -Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hoá, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
70. Chi cục Thống kê thành phố Thanh Hoá, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hoá, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
71. Chi cục Thống kê huyện Thiệu Hoá, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hoá, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
72. Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
73. Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
74. Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
75. Chi cục Thống kê thành phố Đồng Hới, Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
76. Chi cục Thống kê huyện Quảng Trạch, Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
77. Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
78. Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
79. Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
80. Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
81. Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

82. Chi cục Thống kê huyện Hoài Ân, Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
83. Chi cục Thống kê huyện Hoài Nhơn, Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
84. Phòng Thống kê Công - Thương, Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
85. Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
86. Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
87. Chi cục Thống kê thành phố Cam Ranh, Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
88. Chi cục Thống kê huyện Diên Khánh, Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
89. Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
90. Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
91. Chi cục Thống kê huyện Cai Lậy, Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
92. Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Bến Tre, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
93. Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Bến Tre, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
94. Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Bến Tre, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
95. Chi cục Thống kê huyện Châu Thành, Cục Thống kê tỉnh Bến Tre, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
96. Chi cục Thống kê huyện Càng Long, Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
97. Chi cục Thống kê huyện Cầu Ngang, Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
98. Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
99. Chi cục Thống kê huyện Bình Tân, Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
100. Chi cục Thống kê huyện Châu Thành, Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
101. Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

102. Thanh tra Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
103. Chi cục Thống kê huyện Mỹ Xuyên, Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
104. Chi cục Thống kê thành phố Bạc Liêu, Cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
105. Chi cục Thống kê huyện Hòn Đất, Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
106. Chi cục Thống kê huyện An Minh, Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
107. Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh An Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
108. Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh An Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
109. Chi cục Thống kê thị xã Tân Châu, Cục Thống kê tỉnh An Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
110. Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
111. Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
112. Chi cục Thống kê huyện Định Quán, Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
113. Chi cục Thống kê huyện Nhơn Trạch, Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
114. Chi cục Thống kê thị xã Phước Long, Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
115. Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
116. Phòng Thống kê Công - Thương, Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
117. Chi cục Thống kê huyện Châu Thành, Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
118. Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
119. Chi cục Thống kê huyện Hàm Thuận Bắc, Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
120. Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
121. Chi cục Thống kê huyện Tiên Du, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Đã có thành tích trong công tác từ năm 2011 đến năm 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng cnghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

II. CÁ NHÂN

1. Ông Trần Đăng Long, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
2. Ông Nguyễn Văn Đoàn, Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
3. Ông Phạm Quang Ngọc, Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Tin học Thống kê khu vực I, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
4. Ông Nguyễn Hoàng Dũng, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
5. Ông Lê Hữu Hùng, Chuyên viên Phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
6. Ông Trần Minh Hường, Trưởng phòng Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê thành phố Cần Thơ, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
7. Ông Nguyễn Tấn Nguyên, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê quận Ô Môn, Cục Thống kê thành phố Cần Thơ, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
8. Ông Lê Ngọc Hùng, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thành phố Vĩnh Yên, Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
9. Ông Lê Thanh Tùng, Trưởng phòng Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
10. Bà Nguyễn Thị Xuân Huệ, Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
11. Ông Vũ Tuấn Hùng, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
12. Ông Nguyễn Đình Đáp, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện Thái Thụy, Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
13. Ông Nguyễn Bá Hạnh, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Kon Tum, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
14. Ông Nguyễn Danh Hải, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thành phố Đà Lạt, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
15. Ông Đặng Thanh Trì, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thành phố Cẩm Phả, Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
16. Bà Trần Thị Thúy Nga, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Lai Châu, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

17. Bà Vũ Thị Phượng, Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
18. Hoàng Thị Hoa, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện Tuần Giáo, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
19. Ông Hoàng Ngọc Thanh, Chánh Thanh tra Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
20. Bà Nguyễn Thị Hồng, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Hà Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
21. Ông Phạm Ngọc Trung, Trưởng phòng Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Hà Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
22. Ông Trần Lê Tuân, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
23. Ông Nguyễn Hiền Minh, Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
24. Bà Hoàng Thị Hạnh, Trưởng phòng Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
25. Bà Bạch Thị Tình, Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
26. Bà Mai Thị Thanh, Phó Trưởng phòng Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
27. Ông Trịnh Xuân Phú, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Thanh Hoá, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
28. Ông Ngô Ngọc Thế, Trưởng phòng Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hoá, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
29. Bà Phan Thị Bích Thảo, Trưởng phòng Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hoá, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
30. Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú, Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
31. Ông Nguyễn Việt Hùng, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
32. Bà Mai Thị Cẩm Giang, Trưởng phòng Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
33. Ông Trần Quốc Lợi, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
34. Ông Phạm Thanh Xuân, Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
35. Ông Trần Xuân Bá, Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

36. Ông Hoàng Ngọc Cường, Trưởng phòng Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng, Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
37. Ông Phạm Thiện, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện Thăng Bình, Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
38. Bà Nguyễn Thị Mỹ, Trưởng phòng Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
39. Ông Đỗ Trọng Quyết, Phó Trưởng phòng Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
40. Bà Võ Thị Hồng Nga, Trưởng phòng Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Bến Tre, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
41. Ông Võ Văn Nhờ, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện Bình Đại, Cục Thống kê tỉnh Bến Tre, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
42. Ông Chu Huy Long, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
43. Ông Nguyễn Linh Vinh Hải, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện Càng Long, Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
44. Ông Trịnh Xuân Hùng, Chánh Thanh tra Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
45. Ông Trần Thanh Hùng, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện Tháp Mười, Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
46. Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Phó Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
47. Bà Nguyễn Thị Kim Quyên, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
48. Ông Cù Sỹ Cương, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đã có thành tích trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc./.